TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2026/DS-PT
Ngày: 03-7-2026
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quản

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Phương, ông Nguyễn Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 430/2026/QĐ-PT ngày 05/6/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 353/2026/QĐ-PT ngày 25/6/2026 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn A L, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A L, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1980

+ Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 2000

+ Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 2001

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 2004

+ Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 2008

+ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 2011

+ Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 2014

Cùng địa chỉ: Thôn A L, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Lê Chí P; sinh năm 1989

+ Bà Lê Thị H1; sinh năm 1991

+ Ông Lê Chí C, sinh năm 1998.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P, bà H1, ông C: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1969, cùng địa chỉ: Thôn A L, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Kim T.

Tại phiên toà có mặt: bà Huỳnh Thị H, bà Lê Thị Kim T, ông Nguyễn Thanh D và anh Nguyễn Văn D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Trước đây vợ chồng nguyên đơn (ông Lê Chí M, bà Huỳnh Thị H), cụ Đặng Thị B1 (cụ B1 là dì ruột của ông M), sống cùng nhà trên thửa đất của cụ B1 tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận cũ. Tại thời điểm này trên đất đã có căn nhà của cụ B1 tạo lập. Còn mẹ con bà Đặng Thị L, bà Lê Thị Kim T sống gần nhà cụ B1. Cụ B1, bà L và ông M có quan hệ họ hàng, bà T là cháu ông M.

Thời gian sau, vợ chồng nguyên đơn tạo lập được nhà và đất ở nơi khác cũng thuộc khu phố A, thị trấn L, huyện T nên vợ chồng nguyên đơn dọn đến đây để ở.

Khi vợ chồng nguyên đơn dọn đi thì mẹ con bà L dọn vào ở cùng cụ B1 tại căn nhà của cụ B1.

Đến vào năm 2010, mặc dù vợ chồng nguyên đơn không ở cùng cụ B1 nhưng do vợ chồng nguyên đơn thường xuyên lui tới phụng dưỡng chăm lo cụ B1 nên cụ B1 có cho vợ chồng nguyên đơn nhà và đất. Chồng nguyên đơn (ông M) đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất. Đến ngày 05/11/2010, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 47, diện tích 74,2m^2, đất ở đô thị tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận cho ông Lê Chí M và bà Huỳnh Thị H, số sổ BD 040644.

Khi cụ B1 chết, bà L và bà T (con của bà L) vẫn sống trong căn nhà hiện đang tranh chấp.

Năm 2020, bà L chết. Ông M yêu cầu bà T trả nhà cho vợ chồng nguyên đơn, ông M sẽ hỗ trợ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho bà T để bà T di dời tìm nơi ở khác. Bà T cũng đồng ý trả nhà nhưng xin cho tạm ở lại vài tháng đến khi mãn tang mẹ bà (bà L) thì bà T trả nhà và dọn đi.

Tháng 3 năm 2022, ông M chết. Cùng năm 2022, sau khi mãn tang bà L (mẹ bà T) nguyên đơn có nhu cầu lấy lại nhà đất, nguyên đơn mới yêu cầu bà T trả lại nhà nhưng bà T không thực hiện lời hứa, không trả nhà đất cho nguyên đơn nên nguyên đơn mới khởi kiện yêu cầu bà T trả lại nhà đất.

Tuy nhiên do nguyên đơn không rành chữ nghĩa nhiều nên khi khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Kim T có nghĩa vụ di dời và trả lại tài sản là nhà và

đất có diện tích 82,9m^2, đất ở đô thị tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L, huyện T, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 57 do UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Chí M và bà Huỳnh Thị H, cấp ngày 24/8/2017, số sổ CE 637263. Sau khi biết nhầm lẫn nên nguyên đơn có sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn xác định: Yêu cầu bà Lê Thị Kim T cùng chồng và các con bà T hiện đang sống trên đất có nghĩa vụ di dời, trả lại cho nguyên đơn và các con của nguyên đơn (người kế thừa của ông Lê Chí M) nhà đất tọa lạc tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 47, diện tích 74,2m^2, đất ở đô thị tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn C, xã L, tỉnh Lâm Đồng), đất do UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Lê Chí M và bà Huỳnh Thị H, số sổ BD 040644, cấp ngày 05/11/2010. Nguyên đơn sẽ hỗ trợ chi phí di dời cho bà Lê Thị Kim T cùng chồng và các con bà T số tiền 10.000.000đồng *(mười triệu đồng)*.

Bị đơn trình bày: Tài sản nhà và đất đang tranh chấp có nguồn gốc là nhà của cụ Đặng Thị B1 (cụ B1 là ngoại thứ của bị đơn). Khi bị đơn còn nhỏ, bị đơn và mẹ (bà L) sống tại nhà cụ B1 cho đến khi cụ chết. Trong quá trình sống chung, mẹ bị đơn có nuôi dưỡng và chăm sóc cụ B1, nên cụ B1 có lời cho mẹ bị đơn căn nhà này, việc cho không thể hiện giấy tờ mà chỉ nói miệng, nhưng do mẹ bị đơn không đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đến nay tài sản là nhà và đất nêu trên không phải do mẹ bị đơn đứng tên.

Sau khi cụ B1 chết, mẹ con bị đơn vẫn tiếp tục sống trên nhà đất này. Được một thời gian thì ông M có gặp và yêu cầu mẹ con bị đơn trả nhà đất, thì bị đơn mới biết nhà đất này ông M đã đứng tên sỡ hữu. Ông M có nói với mẹ bị đơn là "sẽ cho bị đơn một số tiền để dọn đi ra khỏi nhà tìm chỗ khác ở để trả nhà đất cho ông M, riêng bà L thì được ở cho đến hết cuộc đời". Nghe ông M nói như vậy thì bị đơn cũng đồng ý với ý kiến ông M đề ra nhưng thực tế ông M không thực hiện lời hứa, không cho bị đơn tiền nên bị đơn không dọn đi mà tiếp tục ở trên tài sản tranh chấp này cho đến nay.

Đến năm 2024, bà H có yêu cầu bị đơn trả lại nhà đất nêu trên, bị đơn cũng đồng ý trả lại tài sản nhà đất nêu trên cho bà H nhưng với điều kiện bà H phải cho gia đình bị đơn ở thêm vài năm nữa và phải cho bị đơn một số tiền.

Hiện nay, trên tài sản tranh chấp ngoài bị đơn ở trên tài sản tranh chấp còn có chồng và các con của bị đơn cũng ở tại đây.

Nay, bà Huỳnh Thị H yêu cầu bị đơn và chồng con bị đơn phải di dời, trả lại cho bà nguyên đơn tài sản là nhà và đất thì bị đơn đồng ý trả lại nhà đất theo yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng với điều kiện bà H phải cho gia đình bị đơn ở thêm khoảng vài năm nữa và hỗ trợ cho bị đơn một số tiền khoảng 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*) để gia đình bị đơn có điều kiện di dời mua nhà đất khác để ở.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Lê Chí P, bà Lê Thị H1, ông Lê Chí C (các con của nguyên đơn) trình bày: Thống nhất theo phần trình bày của nguyên đơn.

Người có nghĩa vụ quyền lợi liên quan: ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Văn B, bà

Nguyễn Thị Thanh N-là chồng và con bị đơn không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi nhận được lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư Pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 166; khoản 1 Điều 579 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc bà Lê Thị Kim T, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Thanh N có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị H, ông Lê Chí P, bà Lê Thị H1, ông Lê Chí C tài sản là nhà và đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 47, diện tích 74,2m^2 (qua đo đạc thực tế là 64.9m^2), đất ở đô thị tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận -nay là Thôn C, xã L, tỉnh Lâm Đồng do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Lê Chí M và bà Huỳnh Thị H, số sổ BD 040644, cấp ngày 05 tháng 11 năm 2010.*(Kèm theo sơ đồ đo đạc vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đ ký duyệt ngày 25 tháng 4 năm 2025).*

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về hỗ trợ chi phí di dời, cụ thể như sau: bà Huỳnh Thị Hồng H2 trợ số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* chi phí di dời cho bà Lê Thị Kim T, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Thanh N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định khác về quyền và nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/02/2026, bị đơn bà Lê Thị Kim T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hoặc cho tăng mức hỗ trợ cho bà T là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn là người kháng cáo trình bày: Bị đơn đồng ý trả nhà cho nguyên đơn nhưng đề nghị cho bị đơn lưu cư khoảng 02 năm và nguyên đơn hỗ trợ bị đơn 50.000.000đ để tạo lập chỗ ở mới.

- Nguyên đơn đồng ý hỗ trợ thêm cho bị đơn 10.000.000đ. Tổng cộng là 20.000.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Kim T là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T1, anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị Kim O đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Thanh N, anh Lê Chí P, chị Lê Thị H1, anh Lê Chí C đã có người đại diện hợp pháp tham gia nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ tài liệu do Chi nhánh Văn phòng Đ cung cấp, có đủ cơ sở xác định: thửa đất số 45, tờ bản đồ số 47, diện tích 74,2m², tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn C, xã L, tỉnh Lâm Đồng) đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 040644 ngày 05/11/2010 cho ông Lê Chí M và bà Huỳnh Thị H. Từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đến nay, thửa đất này chưa được chuyển nhượng cho bất kỳ cá nhân nào khác. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất nhà, đất tranh chấp là tài sản trước đây do cụ Đặng Thị B1 tạo lập; sau đó quyền sử dụng đất được cấp cho ông M và bà H. Bị đơn cũng thừa nhận thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn và đồng ý giao trả tài sản nhưng có kèm theo điều kiện nguyên đơn phải hỗ trợ 50.000.000đ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn cùng các thành viên trong gia đình giao trả nhà, đất cho nguyên đơn và những người thừa kế của ông M là có căn cứ.

[3] Đối với khoản tiền hỗ trợ di dời, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn cùng các thành viên gia đình thêm số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng là

20.000.000đ, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Không có căn cứ buộc nguyên đơn phải hỗ trợ 50.000.000đ như ý kiến của bị đơn.

[4] Về yêu cầu lưu cư của bị đơn: Gia đình, con cái của bị đơn (08 người) đang sinh sống tại căn nhà tranh chấp là có sự đồng ý của bà cụ B1 và vợ chồng ông M. Hiện nay gia đình bị đơn rất khó khăn trong việc tạo lập chỗ ở mới, trong khi nguyên đơn có nhà ở ổn định, không có khó khăn bức thiết về nơi ở. Để tạo điều kiện cho bị đơn tạo lập nơi ở mới, xét thấy nên cho bị đơn và các thành viên trong gia đình được quyền lưu cư trong thời gian 01 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần, đồng thời cấp phúc thẩm sẽ sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự nguyện của nguyên đơn về khoản hỗ trợ cho bị đơn.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bà Lê Thị Kim T không không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Kim T, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Điều 166, khoản 1 Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc bà Lê Thị Kim T, ông Nguyễn Thanh D, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị Thanh T1, anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị Kim O, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị Thanh N có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị H, ông Lê Chí P, bà Lê Thị H1, ông Lê Chí C tài sản là nhà và đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 47, diện tích 74,2m^2 (qua đo đạc thực tế là 64.9m^2), đất ở đô thị tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận -nay là Thôn C, xã L, tỉnh Lâm Đồng do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Lê Chí M và bà Huỳnh Thị H, số sổ BD 040644, cấp ngày 05 tháng 11 năm 2010. Bà Lê Thị Kim T, ông Nguyễn

Thanh D và các con được quyền lưu cư trong thời hạn 01 năm. Thời điểm trả nhà, đất sau 01 năm, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đ ký duyệt ngày 25 tháng 4 năm 2025).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về hỗ trợ chi phí di dời, cụ thể như sau: Bà Huỳnh Thị H hỗ trợ số tiền 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* chi phí di dời cho bà Lê Thị Kim T, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Thanh N.

2. Án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị H tự nguyện nộp thay án phí dân sự sơ thẩm cho bà T nên được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai số: 0007232 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận- nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 - Lâm Đồng. Do vậy, tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp đủ.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà T 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003223 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/7/2026).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKS khu vực 14 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 14 – Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quản